TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 – 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Số CCCD 089178XXXXXX, ngày cấp //, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: số G, tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Số CCCD 089077XXXXXX, ngày cấp //, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: tổ H, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2025, các bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1996, bà D và ông H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, vợ chồng tính tình không hợp, không thể sống chung được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà D yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: bà D và ông H có 03 con chung, tên Lâm Khai T, sinh năm 1997, Lâm Hoài N sinh năm 2000 và Lâm Quốc K sinh năm 2006; các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Lâm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà D và ông H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận ông, bà là vợ chồng; Về con chung: bà D và ông H có 03 con chung, tên Lâm Khai T, sinh năm 1997, Lâm Hoài N sinh năm 2000 và Lâm Quốc K sinh năm 2006; các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trương Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Văn H nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông Lâm Văn H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã C, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: bà D và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn (được Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh An Giang xác nhận từ năm 1996 đến nay bà D và ông H chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận bà D và ông H là vợ chồng.

Về con chung: bà D và ông H có 03 con chung, tên Lâm Khai T, sinh năm 1997, Lâm Hoài N sinh năm 2000 và Lâm Quốc K sinh năm 2006; các con đều đã trưởng thành nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị D và ông Lâm Văn H là vợ chồng.

Về con chung: các con đều đã trưởng thành nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005043 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12-AG;
- THADS tỉnh An Giang ;
- UBND xã C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền